TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 642/2020/HC-PT Ngày: 20-10-2020 V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2020/TLPT-HC ngày 26/5/2020 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2020/HC-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 869/2020/QĐPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: , huyện B, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ tạm trú: , huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Trần Bá H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Ủy ban Nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương H – Chức vụ: Phó Chủ tịch

UBND huyện B (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: QL 14, thị trấn Đức Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đòa Duy P- Phó trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban Nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh Thảo – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê H – Chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: , huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: , xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ tạm trú: , tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị T. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1995, gia đình bà T khai phá được diện tích đất khoảng 03ha (30.000m^2) tại tổ 5, thôn Đăk Ma, xã Đăk Nhau, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là tổ 5, thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước). Sau khi khai hoang, gia đình bà T đã quản lý, sử dụng đất ổn định và trồng cây hàng năm, đến năm 1999 thì bà T trồng cây điều, tiêu, cà phê trên đất, quá trình sử dụng đất vợ chồng bà T nộp thuế đầy đủ. Năm 2016, gia đình bà T đã chuyển nhượng một phần diện tích đất khoảng 12.000m^2 và căn nhà tạm trên phần đất này cho người khác nên diện tích đất còn lại của gia đình bà T là 18.000m^2 và gia đình bà vẫn quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Ngày 16/4/2004, theo Công văn số 30/CV/TDTƯ của Ban tiếp Công dân Trung ương thì việc khiếu nại của 60 công dân ở B đề nghị được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết đất ở và đất canh tác đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua và chỉ đạo tại Công văn số 6251/VPCP-V.II ngày 17/12/2003 của Văn phòng Chính phủ, trong đó có gia đình bà T cũng thuộc đối tượng được xem xét, giải quyết để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ). Tuy nhiên, vào năm 2012 thì đất và tài sản trên đất của gia đình bà

T bị Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B cưỡng chế, kê biên trái pháp luật nên gia đình bà T chưa được cấp GCNQSDĐ. Đến ngày 08/4/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước đã có Công văn số 208/CTHADS-KNTC trả lời đơn kiến nghị của bà T xác định Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B không kê biên đất, chỉ tiến hành kê biên tài sản trên đất của bà T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Như vậy, diện tích đất nêu trên của vợ chồng bà T không bị kê biên để thi hành án, đồng thời thuộc đối tượng được xem xét cấp GCNQSDĐ theo Công văn số 30/CV/TDTƯ ngày 16/4/2004 nên việc Ủy ban Nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện B không cấp GCNQSDĐ cho bà T, ông H là trái với quy định của pháp luật về đất đai. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Công văn số 1315/UBND-TD ngày 30/8/2019 của UBND huyện B về việc trả lời đơn kiến nghị của bà T (sau đây viết tắt là Công văn số 1315/UBND-TD), tuyên hành vi không cấp GCNQSDĐ của UBND huyện B là trái pháp luật và tuyên buộc UBND huyện B phải thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho bà T, ông H đối với diện tích đất rẫy khoảng 18.000m^2 thuộc tiểu khu 146, tọa lạc tại tổ 5, thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện trình bày:

Tháng 8/2019, bà T gửi đơn kiến nghị đến UBND huyện B đề nghị xem xét việc UBND xã Đ từ chối cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất của gia đình bà tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với lý do đất thuộc quy hoạch rừng phòng hộ do Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B quản lý.

Qua kết quả xác minh của các cơ quan chuyên môn, UBND xã Đ và Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B xác định diện tích đất của bà T kiến nghị có tọa độ: 1321009 - 595138; 1321168 – 594984; 1321219 – 595072; 1321051 – 595222. Đối chiếu với bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện B được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện B thì diện tích đất bà Nguyễn Thị T kiến nghị thuộc quy hoạch rừng phòng hộ chưa được giao về cho địa phương quản lý, diện tích đất này cũng đã được UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ cho Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B.

Căn cứ kết quả xác minh và quy định của pháp luật thì diện tích đất bà T đề nghị không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, diện tích đất này thuộc quy hoạch rừng phòng hộ và nằm trong lâm phần do Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B quản lý. Vì vậy, ngày 30/8/2019 UBND huyện B đã ban hành Công văn số 1315/UBND-TD trả lời đơn kiến nghị của bà T với nội dung nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn H trình bày:

Ông H là chồng của bà T, ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà T. Do sức khỏe không đảm bảo nên ông H xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ủy ban Nhân dân xã Đ - Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cảnh Thảo, chức vụ: Chủ tịch UBND xã, trình bày:

Thửa đất bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà T, ông H hiện đang thuộc quy hoạch rừng phòng hộ do Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B quản lý. UBND huyện B đã tiến hành xác minh và ban hành Công văn số 1315/UBND-TD ngày 30/8/2019 để trả lời đơn kiến nghị của bà T.

Do bận công tác nên ông Thảo là người đại diện theo pháp luật của UBND xã Đ xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và cam kết không khiếu nại gì về sự vắng mặt của mình.

Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B - Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Hùng, chức vụ: Giám đốc, trình bày:

Diện tích đất bà T khiếu nại và khởi kiện nằm trong diện tích đất UBND tỉnh Bình Phước cấp GCNQSDĐ cho Ban Quản lý Rừng Phòng hộ Bom Bo vào năm 2003 (nay là Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B) nên thuộc lâm phần của Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B quản lý, diện tích đất này do hộ bà T xâm canh, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép những năm trước đây và sử dụng cho đến nay. Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B không có hợp đồng giao khoán cho hộ gia đình bà T. Diện tích đất này là đất lâm nghiệp, thuộc quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn và có nguồn gốc do xâm canh, lấn chiếm trái phép nên thuộc đối tượng phải thu hồi để trồng lại rừng. Tuy nhiên, hiện nay chưa có chủ trương cụ thể nên đối với các loại cây trồng lâu năm trên đất, đang cho thu hoạch thì Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo thẩm quyền; đối với đất thì đương sự có nghĩa vụ phải giao trả lại cho Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B khi Nhà nước có yêu cầu. Do bận công tác nên người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B là ông Lê Hùng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về sự vắng mặt của mình.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2020/HSCT ngày 28/02/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tuyên hủy Công văn số 1315/UBND-TD ngày 30/8/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện B về việc trả lời đơn kiến nghị của bà T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban Nhân dân huyện B là trái pháp luật và yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban Nhân dân huyện B phải thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, ông H đối với diện tích đất rẫy tại thuộc tiểu khu 146, tọa lạc tại tổ 5, thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/3/2020 người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì có nhiều vi phạm tố tụng.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt Luật sư Học do Luật sư bận công tác đột xuất và có gửi bài phát biểu cho Hội đồng xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu:

Diện tích đất 18.000m2 bà T đề nghị cấp GCNQSDĐ là thuộc quy hoạch rừng phòng hộ và nằm trong lâm phần do Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B quản lý. UBND tỉnh Bình Phước đã cấp GCNQSDĐ cho Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B nên đối chiếu với các quy định của Luật Đất đai thì không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thì có cơ sở kết luận diện tích đất rẫy khoảng 18.000m^2 thuộc tiểu khu 146, tọa lạc tại tổ 5, thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước mà hiện nay gia đình bà T sử dụng là thuộc rừng phòng hộ do Ban quan lý rừng phòng hộ B quản lý và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc UBND huyện B không cấp GCNQSDĐ cho bà T là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T và giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bà T được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, về thẩm quyền xét xử, về thời hiệu khởi kiện như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định pháp Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành công văn số 1315/UBND-TD ngày 30-8-2019 của Ủy ban Nhân dân huyện B: Tháng 6/2019, bà T, ông H làm đơn yêu cầu được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích tại tiểu khu 146 gửi UBND huyện B. Sau khi nhận được đơn yêu cầu của bà T, ông H, UBND huyện B đã chuyển đơn cho UBND xã Đ, huyện B để xem xét, hướng dẫn bà T, ông H làm hồ sơ, thực hiện các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Đến ngày 30-8-2019 Ủy ban Nhân dân huyện B ban hành công văn số 1315/UBND-TD trả lời đối với yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, ông H là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 22, 23, 24, 105 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[4] Về nội dung công văn số 1315/UBND-TD ngày 30-8-2019 và hành vi hành chính của Ủy ban Nhân dân huyện B không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T: Căn cứ vào biên bản xác minh hiện trạng, vị trí đất ngày 14/8/2019 của các cơ quan cùng phối hợp thực hiện gồm Phòng Tài ngyên và Môi trường huyện B, Ủy ban Nhân dân xã Đ, Ban Quản lý Rừng Phòng hộ huyện B, Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện B thì thể hiện diện tích đất của bà T yêu cầu được cấp GCNQSDĐ có tọa độ: 1321009 - 595138; 1321168 - 594984; 1321219 - 595072; 1321051 - 595222, bà T là đại diện hộ gia đình sử dụng đất cũng được tham gia và đã đồng ý ký tên vào biên bản, công nhận kết quả xác minh. Đối chiếu với bản đồ địa chính thửa đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện B đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện B thì toàn bộ diện tích đất bà T yêu cầu cấp GCNQSDĐ thuộc quy hoạch rừng phòng hộ chưa được giao về cho địa phương quản lý. Diện tích đất này là một phần trong tổng diện tích đất lâm phần, thuộc quy hoạch rừng phòng hộ đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp GCNQSDĐ cho Ban Quản lý Rừng Phòng hộ Bom Bo (nay là Ban

Quản lý Rừng Phòng hộ B) theo Quyết định giao đất và cấp GCNQSDĐ số 390/QĐ-UB và GCNQSDĐ số vào sổ 17.QSDĐ/UB cùng ngày 19/3/2003. Vì vậy, có cơ sở xác định diện tích đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B. Do đó, Căn cứ vào quy định tại các Điều 99, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì bà T, ông H không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ. Như vậy, Việc UBND huyện B ban hành Công văn số 1315/UBND-TD với nội dung xác định diện tích đất bà T yêu cầu cấp GCNQSDĐ thuộc quy hoạch rừng phòng hộ và thuộc một phần diện tích đất lâm phần đang do Ban Quản lý Rừng Phòng hộ B quản lý nên không đủ điều kiện để GCNQSDĐ và hành vi hành chính của Ủy ban Nhân dân huyện B không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là có căn cứ, đúng quy định pháp Luật Đất đai.

[5] Với những chứng cứ nêu trên nên Tòa án án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bà T cũng không xuất trình được chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của bà tâm và giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 99, 100, 101, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, khoản 5 Điều 19, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Không chấp kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tuyên hủy Công văn số 1315/UBND-TD ngày 30/8/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện B về việc

trả lời đơn kiến nghị của bà T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban Nhân dân huyện B là trái pháp luật và yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban Nhân dân huyện B phải thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, ông H đối với diện tích đất rẫy tại thuộc tiểu khu 146, tọa lạc tại tổ 5, thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 015256 ngày 16/10/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Phước.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị T được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh